

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc.**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 19 - 02 - 2020
V/v tranh chấp đòi tiền nợ trong
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân

Ông Nguyễn Thanh Lâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tấn là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp đòi tiền nợ trong mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu 6, xã Y, huyện TT, tỉnh PT,

Nay là: Khu 9, xã T, huyện TT, tỉnh PT. (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị Bích H1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu 4, xã Y, huyện TT, tỉnh PT.

Nay là: Khu 7, xã T, huyện TT, tỉnh PT. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu 9, xã T, huyện TT, tỉnh PT (Vắng mặt).

Anh V ủy quyền cho chị Trần Thị H – Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2019

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị cùng chồng chị là anh Nguyễn Thế V có kinh doanh mặt hàng thức ăn gia súc

và một số mặt hàng khác. Từ năm 2013 cho đến năm 2015, chị Ngô Thị Bích H1 là người cùng xã đã mua hàng là cám lợn của vợ chồng chị. Quá trình mua bán chị H1 có xác nhận mua hàng và trả một phần tiền hàng. Thời điểm chốt nợ ngày 12/01/2016 (ngày 03/12/2015 âm lịch) chị H1 còn nợ của chị 141.600.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Đến ngày 20/10/2016 (ngày 20/9/2016 âm lịch) chị H1 đã trả bớt cho chị số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), chị H1 còn nợ của chị số tiền 121.600.000đ (Một trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Chị đã liên tục đòi nợ suốt từ năm 2016 đến nay, nhưng chị H1 chỉ khát lần không trả. Tại phiên tòa, chị H đồng thời là người đại diện cho anh V, yêu cầu chị H1 phải trả hết số nợ gốc còn lại cho chị và phải chịu lãi suất là 0,8%/01 năm của khoản nợ gốc kể từ ngày 20/10/2016 (tức ngày 20/9/2016 âm lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 32.600.000đ. (Ba mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Do chị H1 khó khăn nên chị không yêu cầu tính lãi từ ngày chốt nợ lần thứ nhất là 12 tháng 01 năm 2016. Chị H xác nhận trong năm 2017 chị H1 đã trả cho chị 1.000.000đ (Một triệu) tiền lãi của số tiền gốc trên, nên chị đề nghị chị H1 còn phải trả cho chị 31.600.000đ tiền lãi. Như vậy tổng số tiền chị yêu cầu chị H1 phải trả cho chị là 153.200.000đ (Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). (Trong đó: nợ gốc là 121.600.000đ; Lãi trên nợ gốc là: 31.600.000đ). Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là chị Ngô Thị Bích H1 trình bày:

Chị xác nhận khoản nợ do chị mua bán hàng hóa như chị H trình bày là đúng, chị H có đến yêu cầu chị trả nợ nhiều lần, nhưng vì điều kiện làm ăn gặp nhiều khó khăn nên chị chưa trả được. Nay chị còn nợ lại chị H số tiền mua hàng (Cám lợn) là 121.600.000đ (Một trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Năm 2017 chị đã trả 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền lãi của số nợ tiền gốc trên cho chị H. Tuy nhiên vì điều kiện chị làm ăn rủi ro nên chị chưa trả được cho chị H. Tại phiên tòa chị xin được trả dần cho chị H mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Còn về lãi thì chị không đồng ý trả vì công việc làm ăn của chị gặp rủi ro và do chị nợ tiền hàng của chị H chứ không phải vay tiền nên chị không trả lãi.

Người có quyền lợi liên quan: Anh Nguyễn Thế V có lời khai trong hồ sơ thể hiện cùng quan điểm như chị Trần Thị H đã trình bày và đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT buộc chị Ngô Thị Bích H1 phải trả hết số nợ còn lại cho anh chị và chịu lãi suất 0,8%/01 năm kể từ ngày 20/10/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H đồng thời đại diện cho anh V không đồng ý cho chị H1 trả dần như chị H1 nêu trên, vì chị cũng tạo điều kiện cho chị H1 nhưng chị H1 chỉ hứa hẹn rất nhiều lần mà không trả. Do đó chị vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh PT tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào: Điều 428, 438, 280, 281, 282, 290, 302 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về tranh chấp “Kiện đòi tiền nợ trong mua bán hàng hóa” đối với chị Ngô Thị Bích H1. Buộc chị Ngô Thị Bích H1 phải trả cho chị Trần Thị H tổng số: 153.200.000đ (Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). (Trong đó: Tiền nợ gốc là 121.600.000đ; Tiền lãi trên nợ gốc là 31.600.000đ).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền mà bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, thì bên có nghĩa vụ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Chị Ngô Thị Bích H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án áp dụng về thời hiệu giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về thời hiệu giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là anh Nguyễn Thế V vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho chị Trần Thị H. Vì vậy căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Xét về khoản tiền nợ thấy rằng:* Tại sổ ghi chép mua bán hàng hóa do chị H xuất trình có khoản chốt nợ tiền hàng chưa trả với tổng số tiền là 141.600.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) và số tiền đã trả là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), và chữ ký chốt nợ cuối cùng là 121.600.000đ (Một trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Chị H1 xác nhận hai chữ ký ở hai mục chốt nợ là chữ ký của chị, và chị H1 cũng thừa nhận chị còn nợ tiền mua hàng là cám lợn của chị H số tiền còn lại là 121.600.000đ (Một trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) như chị H đã trình bày là đúng. Do đó cần xác định việc chị H1 còn nợ của chị H số tiền mua

hàng như trên là thực tế. Chị H đã nhiều lần đòi nợ, yêu cầu chị H1 phải trả khoản nợ trên, nhưng chị H1 chỉ hứa hẹn mà không trả. Từ đó phát sinh vụ án.

Tại phiên tòa, hai bên đương sự thống nhất tổng số tiền hàng chị H1 còn nợ của chị H là 121.600.000đ (Một trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng), tuy nhiên hai bên không thống nhất được lãi suất.

[2.2]. *Xét về lãi suất của khoản nợ chưa trả thấy rằng:* Chị H1 cho rằng do hoàn cảnh khó khăn và là khoản tiền nợ mua hàng chứ không phải tiền vay nên chị không chịu lãi suất của khoản nợ là không phù hợp quy định của pháp luật. Bởi lẽ, tại Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 nay là Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán tài sản như sau: “1. Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm thỏa thuận; nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm nhận tài sản...2. Bên mua phải trả lãi, kể từ ngày chậm trả... trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác” do vậy Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp “Kiện đòi tiền nợ trong mua bán hàng hóa”. Từ đó cần buộc chị H1 phải chịu lãi suất đối với số tiền gốc nợ mua hàng chưa trả của chị H kể từ ngày 20/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/02/2020 là phù hợp quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số 2619/QĐ-NHNN ngày 05/11/2010 của Ngân hàng nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 9,0%/năm. Tuy nhiên, phía nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu mức lãi suất 8%/năm ~0.67%/tháng. Cần được chấp nhận.

Xác định khoản lãi suất tính từ thời điểm 20/10/2016 đến 19/02/2020 là 40 tháng. Số tiền lãi phải trả là: $121.600.000đ \times 0.67\%/tháng \times 40 tháng = 32.600.000đ - 1.000.000đ$ (Một triệu đồng) tiền lãi do chị H1 đã trả = 31.600.000đ

Tổng số tiền gốc và lãi chị H1 phải trả cho chị H là: $121.600.000đ + 31.600.000đ = 153.200.000đ$. (Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng)

Từ nhận định [2.1] đến [2.2] cho thấy yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí: Đây là vụ án tranh chấp dân sự có giá ngạch. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 428, 438, 280, 281, 282, 290, 302 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về tranh chấp “Kiện đòi tiền nợ trong mua bán hàng hóa” đối với chị Ngô Thị Bích H1.

Buộc chị Ngô Thị Bích H1 phải trả cho chị Trần Thị H tổng số tiền: 153.200.000đ (Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). (Trong đó: Tiền nợ gốc là 121.600.000đ; Tiền lãi trên nợ gốc là 31.600.000đ).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền mà bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, thì bên có nghĩa vụ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Yêu cầu của chị Trần Thị H được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị Trần Thị H 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001691 ngày 13/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh PT.

- Chị Ngô Thị Bích H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 7.660.000đ (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Hồng